

ĐỖ HỮU CHÂU

**TỪ VỰNG
NGŨ NGHĨA
TIẾNG VIỆT**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐỖ HỮU CHÂU

**TỪ VỰNG - NGŨ NGHĨA
TIẾNG VIỆT**

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình này cố gắng phản ánh những thành tựu mới của ngôn ngữ học thế giới và trong nước trên lĩnh vực từ vựng - ngữ nghĩa học về lí luận và về kết quả nghiên cứu cụ thể.

Sự hiện đại hóa tri thức khoa học như vậy là rất cần thiết. Tuy nhiên, nó vẫn nằm trong khuôn khổ của một cuốn giáo trình cho học sinh các Trường đại học Sư phạm : những vấn đề được đưa ra hay bị gạt bỏ, được nhấn mạnh hay lướt qua là tùy theo những yêu cầu của phương pháp giảng dạy, của phương pháp nghiên cứu, của tính hệ thống các tri thức cấu thành bộ môn, và tùy theo vị trí của chúng trong chương trình dạy tiếng Việt và dạy Văn học ở các trường học bậc phổ thông.

Giáo trình được viết với dụng ý rõ rệt thể hiện phương pháp nghiên cứu khoa học. Đó là phương pháp xem đối tượng là một chỉnh thể của nhiều mặt đối lập từ thấp đến cao. Nghiên cứu một đối tượng chỉ đạt được kết quả khi người nghiên cứu tách được một cách hợp lí các mặt đối lập đó để nghiên cứu từng mặt một. Tuy nhiên, vì là một thể thống nhất, cho nên không thể tuyệt đối hóa các mặt đối lập mà phải lưu ý phát hiện ra sự quy định lẫn nhau, tác động vào nhau và sự chuyển hóa

TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI

Giáo trình Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt xuất bản lần thứ nhất năm 1981. Cho đến nay, 16 năm đã qua. Trong 16 năm đó, ngôn ngữ học thế giới và Việt ngữ học đã có những bước phát triển mới, chuyển mạnh sang hướng ngữ dụng học. Theo hướng này ngữ nghĩa, đặc biệt là ngữ nghĩa trong hoạt động hành chức trở thành trọng tâm chú ý của các nhà ngôn ngữ học đồng đại - động và đạt nhiều thành tựu lớn. Những thành tựu này góp phần tạo ra sự đổi mới trong cách nhìn và cách lí giải bản chất và các quy luật chi phối các sự kiện ngôn ngữ. Tuy nhiên, đổi mới không có nghĩa là phủ định hoàn toàn những thu hoạch của thời kì nghiên cứu thiên về cấu trúc nội tại của ngôn ngữ trước đây.

Giáo trình này ngay từ 1981 ít nhiều đã được soi sáng bởi lí thuyết ngữ dụng học, mặc dầu chủ yếu vẫn là viết về cấu trúc hình thức và ngữ nghĩa của từ vựng trong tư cách là một cấp độ của tiếng Việt như một hệ thống chưa hành chức. Đọc lại, chúng tôi thấy chúng vẫn giữ nguyên vẹn tính cơ sở, tính

MỞ ĐẦU

I- TỪ VÀ TỪ VỰNG

1. Có nhiều loại đơn vị khác nhau về chức năng trong ngôn ngữ. Âm vị là những đơn vị ngữ âm nhỏ nhất, tự thân không có nghĩa, được dùng để tạo ra vỏ âm thanh cho các đơn vị có nghĩa.

Hình vị là những đơn vị được tạo ra từ các âm vị, tự thân có nghĩa nhưng không được dùng trực tiếp để giao tiếp, tức không trực tiếp được dùng để kết hợp với nhau tạo thành câu.

Các hình vị kết hợp với nhau thành những đơn vị có nghĩa lớn hơn. Những đơn vị này trực tiếp kết hợp với nhau tạo thành các câu nói. Truyền thống ngôn ngữ học gọi loại đơn vị thứ ba này là Từ.

Với các từ như :

nhà, chiếu, đường, mặt trời, bên, sáng...

chúng ta tạo ra một đơn vị lớn như :

nhà bên đường

Cái đơn vị mới này không sẵn có, không cố định và không

2. Tập hợp các từ và ngữ cố định được gọi là từ vựng của ngôn ngữ. Vì có nhiều tiêu chí tập hợp khác nhau cho nên có những kiểu từ vựng khác nhau. Ở đây khái niệm từ vựng được dùng với nghĩa rộng nhất : tập hợp tất cả các từ của một ngôn ngữ, không phân biệt tiêu chuẩn tập hợp.

II- TỪ VỰNG - NGỮ NGHĨA HỌC

1. Những điều nói trên về từ và từ vựng còn quá ít

Từ chứa đựng rất nhiều loại thông tin, những thông tin về tổ chức, về lịch sử, về hoạt động... của ngôn ngữ. Đó là những thông tin trong ngôn ngữ. Trong từ còn những thông tin về những cái ngoài ngôn ngữ như thông tin về sự vật, hiện tượng thực tế, thông tin về hoàn cảnh xã hội, về văn hóa, về thời đại, về tâm lí của người nói, người nghe. Mỗi loại thông tin trên đều là đối tượng của một chuyên ngành ngôn ngữ học. Giáo trình này chủ yếu bàn tới những thông tin trong ngôn ngữ của từ.

Trong những thông tin ngôn ngữ của từ, những thông tin về sự vật, hiện tượng... được biểu thị và những thông tin về khả năng tổ chức câu là cơ bản. Từ có hai chức năng cơ bản : *chức năng biểu nghĩa* (biểu thị sự vật, hiện tượng...) và *chức năng tạo câu*.

Từ vựng không phải là một tập hợp đơn giản, hỗn độn. Nó là một tổ chức, một tổ chức cực kì lớn, rất phức tạp nhưng có quy tắc.

2. Từ những hiểu biết sơ bộ trên về từ và từ vựng, chúng ta xác định từ vựng - ngữ nghĩa học như sau :

của con người về thế giới khách quan) và phải được xây dựng theo một tổ chức nhất định. Tổ chức của hệ thông ngôn ngữ là *cấu trúc* của nó.

Để nghiên cứu hệ thống ngôn ngữ, phát hiện ra cấu trúc và những quy tắc hoạt động của nó, cần phải tách ngôn ngữ thành từng *mật đối lập*. Có những mật đối lập lớn, có những mật đối lập nhỏ. Những mật đối lập lớn là đối lập giữa *các cấp độ* ngữ âm - âm vị, cấp độ hình vị, cấp độ từ vựng, cấp độ câu. Những mật đối lập nhỏ hơn là đối lập giữa các tiểu hệ thống trong từng cấp độ. Mật đối lập nhỏ nhất trong cấp độ từ vựng là đối lập giữa các từ.

Tuy đối lập giữa các từ là đối lập nhỏ nhất, nhưng trong lòng từng từ riêng rẽ vẫn còn tách ra được những mật đối lập nhỏ hơn nữa như đối lập giữa hình thức và nội dung ; đối lập giữa các thành phần hình thức và đối lập giữa các thành phần nội dung với nhau...

Nhờ tách ra được các mật đối lập mà phát hiện ra được *quan hệ* trong lòng ngôn ngữ, trong từ vựng. Một khi đã phát hiện ra được các quan hệ thì nhờ các quan hệ, chúng ta có thể hiểu sâu hơn đặc tính, vị trí, chức năng của các mật đối lập trong ngôn ngữ, tức là có thể hiểu sâu hơn các cấp độ, các tiểu hệ thống trong cấp độ, các mật hình thức và nội dung của từ v.v...

Tuy nhiên, ngôn ngữ và các sự kiện ngôn ngữ là những thể *thống nhất các mật đối lập*, đó là sự tổng hòa các quan hệ và các mật đối lập. Cho nên không nên cô lập các mật đối lập đã tách ra mà phải thấy tác động qua lại, sự điều chỉnh lẫn nhau, *sự chuyển hóa lẫn nhau giữa chúng*.

Ngôn ngữ học cho đến nay đã chấp nhận sự phân chia các chuyên ngành thành ngữ âm - âm vị học, từ vựng học, ngữ pháp học. Ngữ pháp học lại được chia thành hình thái học và cú pháp.

Việc nghiên cứu một chuyên ngành nào theo sự phân chia hiện hành, cần phải sử dụng tất cả những thành tựu đạt được ở các chuyên ngành khác để lí giải đối tượng của mình, mặt khác phải đem những thành quả nghiên cứu của mình soi sáng và kiểm tra lại những kết luận ở những chuyên ngành khác. Vì mỗi sự kiện ngôn ngữ là một thực thể tổng hòa, cho nên, nếu như những kết luận đạt được ở một chuyên ngành mà không thống nhất với những kết luận ở một chuyên ngành khác thì chắc chắn là đã có cái gì đó "trục trặc" trong nghiên cứu ở mỗi chuyên ngành.

2. Sự nhấn mạnh vào tính tổng hòa trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, vào vai trò của từ và của ngữ nghĩa lại càng đặc biệt có ý nghĩa trong việc nghiên cứu tiếng Việt.

Trong tiếng Việt, từ với hình thức không đổi và với ý nghĩa từ vựng của mình, đảm nhiệm cả các phần việc mà ở các ngôn ngữ khác, những đơn vị ở cấp độ dưới (hình vị) và trên (cụm từ, câu) đảm nhiệm. Trong tiếng Việt, những bản sắc độc đáo phần lớn cũng là bản sắc của các từ. Vì vậy, nếu như vai trò của từ vựng - ngữ nghĩa học, nhất là ngữ nghĩa học, đã quan trọng và ngày càng thêm quan trọng trong các ngôn ngữ khác thì trong tiếng Việt, nó lại vô cùng quan trọng.

Tiếng Việt hiện đang phải gánh vác những nhiệm vụ

Phần thứ nhất

ĐƠN VỊ TỪ VỰNG

Phần này dành cho việc xác định các đơn vị từ vựng và việc tìm hiểu các đặc điểm hình thức của chúng.

Các đặc điểm hình thức của từ được nghiên cứu là các đặc điểm ngữ âm, đặc điểm ngữ pháp và nhất là đặc điểm cấu tạo.

Thông qua các đặc điểm hình thức và qua sự đối chiếu từ với những đơn vị ở các cấp độ hình vị và câu mà chúng ta có thể nhận ra từ trong hệ thống từ vựng và trong lời nói.

Chương I

**TỪ TIẾNG VIỆT
ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM VÀ NGỮ PHÁP**

I- TỪ TIẾNG VIỆT

Trong phần mở đầu, chúng ta đã nói cấp độ từ vựng

từ *súng*, *súng lục*, *súng trường*, *đại bác*, *pháo*, *B 40 v.v*, *khẩu cối*, *khẩu súng*, *khẩu đại bác v.v*. và ý nghĩa "vũ khí" của nó cũng là ý nghĩa của các từ vừa dẫn.

Nói một cách khác, *các thành phần cấu tạo, thành phần ngữ pháp và thành phần ý nghĩa của từ có tính đồng loạt chứ không phải chỉ có tính riêng biệt*.

Chính nhờ tính đồng loạt của các thành phần mà khi gặp một hình thức ngữ âm nào đó, chúng ta mới có thể quyết định nó là từ nào và sử dụng nó theo cách nào.

Thí dụ : gặp hình thức ngữ âm son, dựa vào thành phần ngữ pháp và ý nghĩa chung với các từ *tô*, *bôi*, *nhuộm...* mà chúng ta quyết định và sử dụng nó như một động từ ; hoặc dựa vào thành phần ngữ pháp và ý nghĩa chung cho các từ *mực*, *vôi*, *thuốc nhuộm màu...* mà chúng ta quyết định và sử dụng nó như một danh từ chỉ "chất liệu có màu" v.v...

Tóm lại, có thể nói sự nhận thức tư cách của một hình thức ngữ âm nào đấy (trong tiếng Việt là âm tiết và tổ hợp âm tiết) *là một hoạt động tổng hợp các mặt, các thành phần và đi từ chung đến riêng, từ những tính chất đồng loạt đến những trường hợp riêng lẻ*.

Dưới đây, chúng ta sẽ bàn kĩ hơn về hai thành phần ngữ âm và ngữ pháp của từ tiếng Việt.

II- ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM

1. So với các từ của tiếng Nga, tiếng Pháp... hình thức âm thanh của từ tiếng Việt cố định, bất biến ở mọi vị trí,

mọi quan hệ và chức năng trong câu.

Tính cố định, bất biến về âm thanh là điều kiện hết sức thuận lợi giúp chúng ta nhận diện được từ khá dễ dàng. Ở